

Bản án số: 05/2025/HS-PT
Ngày 21-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Nguyễn Quang Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát tỉnh P tham gia phiên tòa:**

Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo Bùi Ngọc U và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2024/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Bùi Ngọc U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 tại xã Đ, huyện H, tỉnh P; nơi cư trú: Khu 5 xã Đ, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đ V (đã chết) và bà: Dương Thị G (đã chết); vợ: Hà Thị S, sinh năm 1978 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân T:

Ngày 29/3/2017, U bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, hình phạt tiền 1.500.000 đồng, U đã nộp ngày 30/3/2017. Đến ngày phạm tội lần này, đã được xóa xử phạt vi phạm hành chính.

Tại bản án số 01/2020/HSST ngày 30/12/2020, U bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí sơ thẩm về tội “Đánh bạc”, đến ngày 20/3/2023, U đã thi hành xong các khoản trên. Đến lần phạm tội này đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/5/2024, chuyển tạm giam ngày 26/5/2024, ngày 19/6/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện tại ngoại tại xã Đ, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

2. Bùi Ngọc P, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1969 tại xã Đ, huyện H, tỉnh P; nơi cư trú: Khu 5 xã Đ, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đ V (đã chết) và bà: Dương Thị G (đã chết); vợ:

Nguyễn Thị Thanh V1, sinh năm 1975 và có 02 người con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân T: Tại Bản án số 34/2014/HSST ngày 25/7/2014, P bị Tòa án nhân dân huyện H Tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách là 18 tháng, phạt bổ sung 3.000.000 đồng và buộc chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “*Đánh bạc*”, đến ngày 18/5/2015, P đã thi hành xong các khoản nộp trên. Tính đến lần phạm tội này, P đã được xoá án tích.

Bị cáo bị ra lệnh bắt để tạm giam ngày 25/5/2024, ngày 28/5/2024 bị cáo đầu thú và bị tạm giam. Đến ngày 19/6/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện tại ngoại tại xã Đ, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

3. Trần Minh Đ, sinh ngày 22 tháng 6 năm 1983 tại xã Đ, huyện H, tỉnh P; nơi cư trú: Khu 6 xã Đ, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quốc Đ, sinh năm 1960 và bà: Đặng Thị H, sinh năm 1961; vợ: Nguyễn Thị M L, sinh năm 1984 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân T: Tại bản án số 34/2014/HSST ngày 25/7/2014, Đ bị Tòa án nhân dân huyện H Tuyên phạt 05 tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng và buộc chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội “*Đánh bạc*”, ngày 23/7/2015 Đ đã nộp 200.000 đồng án phí, ngày 06/10/2016, Đ được Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà ra quyết định miễn chấp hành hình phạt bổ sung 3000.000 đồng. Đến lần phạm tội này, đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/5/2024, chuyển tạm giam ngày 26/5/2024, ngày 19/6/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện tại ngoại tại xã Đ, huyện H, tỉnh P. Có mặt.

- Ngoài ra còn có 05 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.
- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Đ*: Bà Bùi Thị Thanh Nga – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Nhà nước tỉnh P. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 35 phút ngày 17/5/2024, Tổ công tác của Đội Điều tra cảnh sát hình sự thuộc Cơ quan CSĐT - Công an huyện H phát hiện và bắt quả tang tại nhà ở của Đặng Hồng T, sinh năm 1980 ở khu 5 xã Đ, huyện H, tỉnh P có một số đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, bắt giữ tại chỗ 06 đối tượng gồm: Đặng Hồng T (Sinh năm 1980), Bùi Ngọc U (Sinh năm 1976), Bùi Ngọc P (Sinh năm 1969), Trần Minh Đ (Sinh năm 1983), Trần Trọng K (Sinh năm 1987) và Vũ Hữu M (Sinh năm 1990) đều cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh P, một số đối tượng khi phát hiện Công an đã bỏ chạy, trốn thoát. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc để tại chiếu bạc là 7.886.000 đồng, nhiều mảnh bát sứ màu trắng bị vỡ tại chiếu bạc, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, 01 chiếc kéo

bằng kim loại, 01 chiếc nhựa màu xanh. Ngoài ra, tổ công tác kiểm tra xung quanh vị trí các đối tượng ngồi đánh bạc đã phát hiện và thu giữ số tiền 4.240.000 đồng tại phía sau nhà tắm và phía các đối tượng đã bỏ chạy và trốn thoát, đây là số tiền trên chiếu bạc các đối tượng vơ để chạy khi phát hiện Công an. Do vậy, tổng số tiền thu giữ là 12.126.000 đồng. Đồng thời, tổ công tác đưa các đối tượng cùng vật chứng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan CSĐT các đối tượng Đặng Hồng T, Bùi Ngọc U, Trần Duy H, Trần Minh Đ, Trần Trọng K và Vũ Hữu M đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình. Ngoài ra, các đối tượng còn khai tham gia đánh bạc còn có Trần Văn Anh, sinh năm 1991 ở khu 4 xã Đ, huyện H) đã nghỉ trước khi Công an đến. Bùi Ngọc P, sinh năm 1969 ở khu 5 xã Đ, huyện H và Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 ở khu 3 xã Đ, huyện H đã bỏ chạy và trốn thoát khi cơ quan Công an đến bắt giữ. Đến ngày 23/05/2024, đối tượng Nguyễn Văn T đã đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của bản T. Ngày 25/05/2024, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đặng Hồng T, Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ, Trần Trọng K, Nguyễn Văn T, Trần Duy H và Vũ Hữu M để điều tra về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 BLHS. Đồng thời, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Bùi Ngọc P, đến ngày 28/05/2024 bị can P đã đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc. Quá trình làm việc, T giao nộp 01 chiếc điện thoại SAM SUNG màu đen đã cũ; M giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAM SUNG A12 màu xanh đã cũ; T giao nộp 01 chiếc điện thoại SAM SUNG A10 màu xanh đã cũ; H giao nộp 01 chiếc điện thoại OPPO màu xanh đã cũ; K giao nộp 01 chiếc điện thoại OPPO màu xanh đã cũ; Đ giao nộp 01 chiếc điện thoại HONOR màu xanh đã cũ và U giao nộp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu xanh đã cũ.

Tại Cơ quan CSĐT, các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 22 giờ ngày 16/05/2024, khi Đặng Hồng T đang ở nhà tại khu 5 xã Đ, thì lần lượt có Nguyễn Văn T, Trần Duy H và Trần Văn A đến nhà chơi, T mời mọi người ngồi uống nước tại sân nhà ở của mình, trong lúc đang ngồi uống nước thì T có rủ mọi người đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, tất cả mọi người đồng ý, T lấy vỏ cây thuốc lá Thăng Long và 01 chiếc kéo đưa cho A để cắt 04 quân vị. Sau khi cắt quân vị xong thì A và T cùng đi vào bếp nhà T trước, liền sau đó T lấy 01 bát sứ và 01 đĩa sứ tại bếp của gia đình cùng H đi vào bếp. Khi vào bếp T lấy chiếu tại góc bếp trải xuống nền nhà, đồng thời bỏ bát và đĩa ra chiếu. Khi đã chuẩn bị xong công cụ, các đối tượng tự quy định với nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, cách thức đánh và tỷ lệ thắng thua như sau: Người cầm cái xóc đĩa và trả tiền thắng, thua cho người chơi, thống nhất đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, cao hơn là tùy vào người chơi không giới hạn số tiền đặt cược ở mỗi ván. Khi đánh bạc, người xóc cái dùng 04 quân vị hình tròn, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng cho vào đĩa sứ và úp bát sứ lên xóc đều, sau đó đặt bát đĩa xuống để những người còn lại đặt cược bằng tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Khi người chơi đặt cược xong người xóc cái mở bát ra mà có 02 hoặc 04 quân vị ngửa cùng màu là về cửa chẵn, còn lại thì là lẻ. Nếu người chơi đặt

trúng cửa thì thắng bạc và được người cầm cái trả số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược, nếu không trúng thì người cầm cái được hưởng số tiền của người chơi đã đặt cược. Thống nhất xong, A nói để A cầm cái xóc cho những người còn lại đặt cược với nhau, mọi người đồng ý. Sau đó các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 thì có Bùi Ngọc P đến vào tham gia đánh bạc cùng, khoảng 10 phút sau có thêm Trần Minh Đ đến nhưng không tham gia đánh bạc mà đứng xem mọi người chơi. Đến khoảng 23 giờ khi A đang xóc cái cho mọi người đặt cược thì nhận được điện thoại của khách gọi đi xe taxi (A làm dịch vụ lái xe taxi), nên A nói với mọi người không chơi nữa và ra về. Sau khi A ra về thì T là người cầm cái xóc mọi người tiếp tục đặt cược, lúc này Đ đang đứng xem có hỏi những người đang chơi cho vào tham gia đánh bạc cùng được mọi người đồng ý, Đ vào tham gia đánh bạc cùng. Sau đó lần lượt có thêm Trần Trọng K và Bùi Ngọc U đến tham gia đánh bạc cùng mọi người. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 17/05/2024 thì Vũ Hữu M đến và tham gia đánh bạc, các đối tượng đang sát phạt nhau bằng tiền đến 00 giờ 35 phút ngày 17/05/2024 thì bị Công an huyện H phát hiện bắt quả tang như nêu trên. Khi thấy lực lượng Công an đến P hô “*có Công an*” nên các đối tượng vùng lên bỏ chạy, T cầm chiếc bát tại chiếu lên đập xuống nền nhà làm bát vỡ thành nhiều mảnh. Các đối tượng bị bắt giữ tại nơi đánh bạc gồm: T, U, Đ, H, K và M. Còn đối tượng Anh đã nghỉ trước khi cơ quan Công an đến, đối tượng P và T đã bỏ chạy và trốn thoát khi lực lượng Công an bắt giữ. P và T sau đó đã ra đầu thú, riêng A đã đi khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT triệu tập nhiều lần nhưng A chưa đến làm việc.

Các bị cáo khai nhận về số tiền sử dụng vào đánh bạc như sau: Đặng Hồng T khi tham gia đánh bạc có 1.500.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền trên vào việc đánh bạc, khi bị bắt T còn 400.000 đồng giao nộp; Nguyễn Văn T khi đánh bạc có khoảng 800.000 đồng sử dụng toàn bộ số tiền trên vào việc đánh bạc, khi bị bắt T đã cầm tiền bỏ chạy, trốn thoát, sau đó bị rơi mất tiền nên không rõ thắng thua ra sao; Trần Duy H khi tham gia đánh bạc có 100.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt, H còn 150.000 đồng đút ở túi quần sau đó đã giao nộp; Trần Trọng K có khoảng 2.200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến K đút tiền vào túi quần sau đó đã giao nộp số tiền 361.000 đồng; Bùi Ngọc P có 300.000 đồng dùng vào đánh bạc, đánh một lúc bị thua hết tiền P tiếp tục ở lại xem mọi người chơi, khi phát hiện Công an, P bỏ chạy, trốn thoát; Bùi Ngọc U khi đánh bạc có 3.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, khi bị bắt U còn 2.630.000 đồng, U đút tiền vào túi quần, sau đó đã giao nộp; Vũ Hữu M khi đi đánh bạc có khoảng 2.300.000 đồng sử dụng vào đánh bạc, khi bị cơ quan Công an bắt giữ M còn 4.345.000 đồng, đút vào túi quần và bỏ chạy sau đó đã tự nguyện giao nộp; Trần Minh Đ khi đánh bạc có khoảng 1.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, sau đó bị thua hết tiền, Đ ở lại xem mọi người chơi sau đó bị bắt giữ.

Đối với Trần Văn A: Căn cứ lời khai của bị cáo T, H, T, P và Đ xác định Trần Văn A có tham gia đánh bạc tại thời điểm chiếu bạc có 05 người gồm: T, H, T, P và A. Riêng T và H khai nhìn thấy A sử dụng số tiền 500.000đ vào việc đánh bạc, T và P không biết A có bao nhiêu tiền dùng vào việc đánh bạc, như vậy tổng số tiền trên chiếu bạc lúc này là 3.200.000đ. Cơ quan CSĐT đã xác M

nhân T, lý lịch xác định A chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Cơ quan CSĐT thu thập được thì hành vi của A không cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại Điều 321 BLHS. Tuy nhiên, hiện nay A vẫn đi khỏi địa phương, chưa có đủ cơ sở khẳng định A sử dụng chính xác số tiền vào việc đánh bạc là bao nhiêu, có cấu thành tội phạm hay không. Vì vậy, Cơ quan CSĐT đã tách hành vi của A ra để tiếp tục điều tra, khi nào có đủ cơ sở sẽ đề nghị xử lý A theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo thì số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 11.700.000 đồng. Tuy nhiên, khi bị bắt, Cơ quan điều tra thu giữ được số tiền tại chiếu bạc là 7.886.000 đồng và số tiền các bị cáo vơ tại chiếu bạc cầm bỏ chạy, rơi lại hiện trường là 4.240.000 đồng. Mặt khác, do các bị cáo đã không nhớ chính xác số tiền đem đi, sử dụng vào việc đánh bạc là bao nhiêu nên chỉ đủ căn cứ xác định lượng tiền đã được các bị cáo sử dụng vào đánh bạc bị thu giữ trên chiếu bạc là 7.886.000 đồng và số tiền các bị cáo vơ tại chiếu bạc cầm bỏ chạy, rơi ngay tại hiện trường là 4.240.000 đồng, tổng cộng là 12.126.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đánh bạc là 12.126.000 đồng. Tại Cơ quan CSĐT các bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp tài liệu chứng cứ đã thu thập được.

Tại Bản án sơ thẩm số 63/2024/HS-ST ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 điều 321 – BLHS. Xử:

TUYÊN bố các bị cáo Đặng Hồng T, Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ, Vũ Hữu M, Trần Trọng K, Nguyễn Văn T và Trần Duy H phạm tội: Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1(đối với U, P và Đ), khoản 2 điều 51 (đối với bị cáo U và P)- BLHS; khoản 3,4 điều 123 - BLTTHS. Xử:

- Phạt bị cáo Bùi Ngọc U 13 (mười ba) tháng tù, được khấu trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2024 đến ngày 19/6/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Phạt bị cáo Bùi Ngọc P 12 (mười hai) tháng tù, được khấu trừ thời giam tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến ngày 19/6/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Phạt bị cáo Trần Minh Đ 13 (mười ba) tháng tù, được khấu trừ thời giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2024 đến ngày 19/6/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm nêu trên còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về vấn đề dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và các vấn đề khác.

Nội dung kháng cáo: Các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P và Trần Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn xin giảm nhẹ hình phạt, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Đ có ý kiến: Nhất trí với tình tiết giảm nhẹ, tội danh mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Trần Minh Đ. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp chứng cứ mới là Phiếu thu của Hội chữ thập đỏ huyện H, tỉnh P thu của Trần Minh Đ 500.000 đồng ủng hộ “Nồi cháo nghĩa tình” để chia sẻ giúp đỡ người nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Minh Đ. Bản T bị cáo Trần Minh Đ cũng thuộc hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình và phải nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Minh Đ và cho bị cáo Trần Minh Đ được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P và Trần Minh Đ. Giữ nguyên mức hình phạt tù, cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 16/5/2024 đến 00 giờ 35 phút ngày 17/5/2024, tại nhà ở của Đặng Hồng T, sinh năm 1980 ở khu 5 xã Đ, huyện Hạ Hoà, tỉnh P, 08 bị cáo gồm Đặng Hồng T, Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Vũ Hữu M, Trần Duy H đều ở khu 5 xã Đ, huyện H, tỉnh P; Nguyễn Văn T ở khu 3 xã Đ; Trần Minh Đ và Trần Trọng K đều ở khu 6 xã Đ đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “xóc đĩa”. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.126.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo đều là người thực hiện.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều hoàn toàn ý thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi đánh bạc, xâm phạm đến trật tự công cộng.

Vì vậy có cơ sở và căn cứ pháp lý K luận các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322*

của Bộ luật này hoặc bị K án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân T, mức độ phạm tội của các bị cáo để xử phạt bị cáo Bùi Ngọc U 13 tháng tù, Bùi Ngọc P 12 tháng tù và Trần Minh Đ 13 tháng tù là cần thiết. Tuy nhiên, xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo là anh em, họ hàng, người cùng xã với nhau, trong quá trình đi chơi, đi ăn buổi tối mới phát sinh hành vi đánh bạc. Các bị cáo U, P, Đ là những người vào đánh bạc sau, số tiền đánh bạc không lớn, bị cáo U khi đi đánh bạc có 3.500.000 đồng, khi bị bắt U còn 2.630.000 đồng, U đút tiền vào túi quần sau đó đã tự giao nộp; Bùi Ngọc P có 300.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, đánh một lúc thì hết tiền; Trần Minh Đ có khoảng 1.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc sau đó bị thua hết tiền. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P cung cấp chứng cứ mới là các Giấy xác nhận của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện H, tỉnh P xác nhận các bị cáo U, P đã ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” huyện H năm 2025, mỗi bị cáo ủng hộ 2.000.000 đồng. Bị cáo Trần Minh Đ cung cấp chứng cứ mới là Phiếu thu của Hội chữ thập đỏ huyện H, tỉnh P thu của Trần Minh Đ 500.000 đồng ủng hộ “Nồi cháo nghĩa tình” để chia sẻ giúp đỡ người nghèo, mặc dù bản T Trần Minh Đ cũng là hộ cận nghèo, điều đó chứng tỏ bị cáo Trần Minh Đ đã rất cố gắng, các bị cáo đều có tinh thần tương T tương ái. Đây là các tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cấp phúc thẩm áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm lần này được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm skhoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố của bị cáo U và P được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo P đầu thú và các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ mới đã nêu trên; các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được bảo lãnh tại ngoại, các bị cáo đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người được bảo lãnh, không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do các bị cáo U, P, Đ có khả năng tự cải tạo, và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy cần sửa bản án số 63/2024/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền, gia đình giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[4] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm:

Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2024/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

2. Về tội danh, Điều luật áp dụng và hình phạt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ;

TUYÊN bố các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ phạm tội: Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc U 13 (Mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 (Hai mươi sáu) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày Tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc P 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày Tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 13 (Mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 (Hai mươi sáu) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày Tuyên án phúc thẩm.

Các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Giao các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh P để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị K án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người đó. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Ngọc U, Bùi Ngọc P, Trần Minh Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- CQ THAHS Công an huyện H, tỉnh P;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hạ Hòa, tỉnh P;
- VKSND huyện H, tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện H, tỉnh P;
- Người đã kháng cáo: Bc U, P, Đ;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Chi

